

Số: 1174 /BC-SNN

Tuyên Quang, ngày 09 tháng 6 năm 2015

## **BÁO CÁO**

### **Sơ kết thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2011 - 2015**

Căn cứ Chương trình tổng thể CCHC Nhà nước giai đoạn 2011-2020 theo Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ; Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 29/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2015.

Thực hiện văn bản số 1257/UBND-NC ngày 16 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về sơ kết thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015; Văn bản số 245/SNV-TCBM ngày 01/6/2015 của Sở Nội vụ về việc sơ kết thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015;

Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015 cụ thể như sau:

#### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Trong giai đoạn 2011-2015 Sở Nông nghiệp và PTNT đã thực hiện tốt công tác cải cách hành chính theo kế hoạch chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ. Công tác tổ chức thực hiện Đề án cải cách thủ tục hành chính theo mô hình “một cửa” đã giúp xử lý, giải quyết công việc nhanh, giảm bớt một số thủ tục rườm rà; thủ tục, quy trình, thời gian giải quyết được công khai, rõ ràng, rút ngắn tránh được những phiền hà đối với tổ chức và công dân, đem lại nhiều kết quả thiết thực, tạo điều kiện thuận lợi, phục vụ tốt công tác cải cách thủ tục hành chính; thực hiện bố trí cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực, trình độ đáp ứng nhu cầu phục vụ tốt cho người dân. Thường xuyên quan tâm giáo dục chính trị tư tưởng cán bộ, công chức, viên chức kết hợp công tác cải cách hành chính với học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh để cán bộ, công chức, viên chức luôn rèn luyện phẩm chất, thay đổi lề lối làm việc chuyên nghiệp, giản dị và gần gũi nhân dân đã tạo sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và trở thành đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, thường xuyên của các chi bộ, các tổ chức đoàn thể và ý thức tự giác học tập, rèn luyện về đạo đức lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong cơ quan được nâng cao.

#### **II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Phổ biến, quán triệt Chương trình tổng thể**

Cải cách hành chính Nhà nước là một bộ phận quan trọng trong đường lối đổi mới toàn diện của Đảng và là một trong những giải pháp ưu tiên hàng đầu trong thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước.

Lãnh đạo Sở luôn quan tâm và chỉ đạo kịp thời các đơn vị trực thuộc thực hiện triển khai và phổ biến sâu rộng đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong ngành về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính và đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ tại Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể Cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể Cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011-2020, Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 29/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011 - 2015; Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 26/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và các kế hoạch thực hiện công tác Cải cách hành chính hàng năm. Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03/12/2012 của Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án xác định chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Sau khi được phổ biến, quán triệt các văn bản hướng dẫn thực hiện CCHC, nhất là kế hoạch CCHC hàng năm của cơ quan. Từng cán bộ, công chức, viên chức nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng việc thực hiện CCHC. Từ đó, từng đồng chí phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được đã được phân công, nhất là những nhiệm vụ liên quan đến CCHC, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, giải quyết kịp thời nhu cầu chính đáng của tổ chức, đơn vị cải thiện môi trường, góp phần vào nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh và thực hiện đạt kết quả tốt kế hoạch CCHC hàng năm của cơ quan.

## **2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**

- Căn cứ vào Kế hoạch cải cách hành chính 2011-2020 của Chính phủ và Chương trình cải cách hành chính của UBND tỉnh giai đoạn 2011-2015 ban hành; Hàng năm đơn vị thực hiện xây dựng và triển khai Kế hoạch cải cách hành chính phù hợp kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, đảm bảo đầy đủ với 06 nội dung trọng tâm về cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; cải cách tài chính công, hiện đại hóa nền hành chính; được phân công nhiệm vụ cụ thể đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện và quy định thời gian báo cáo kết quả thực hiện trong công tác cải cách hành chính. Cụ thể đã ban hành các văn bản để triển khai thực hiện:

+ Kế hoạch số 637/KH-SNN ngày 10/5/2012 Kế hoạch cải cách hành chính năm 2012 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

+ Văn bản số 321/SNN-VP ngày 06/3/2013 về việc thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2013 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

+ Văn bản số 113/SNN-VP ngày 25/01/2014 về việc thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2014 của Sở Nông nghiệp và PTNT; công văn số 884/SNN-VP ngày 29/5/2014 về việc đẩy mạnh công tác cải cách hành chính năm 2014.

+ Kế hoạch số 312/KH-SNN ngày 03/3/2015 Kế hoạch cải cách hành chính năm 2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Để nâng cao hiệu quả cải cách hành chính của Sở, thực hiện hoàn thành các mục tiêu đề ra trong kế hoạch cải cách hành chính, Lãnh đạo Sở đã phân công đồng chí Phó Giám đốc thường trực trực tiếp phụ trách, chỉ đạo công tác CCHC trong toàn ngành nhằm mục đích tăng cường công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy quản lý Nhà nước, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, công khai minh bạch các quy định của nhà nước và bố trí cán bộ, công chức, viên chức đủ phẩm chất, năng lực theo yêu cầu công việc làm khâu đột phá trong cải cách hành chính; đồng thời gắn với kiểm soát thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước. Theo đó các nội dung trọng tâm của cải cách hành chính như: cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách tài chính công; hiện đại hóa hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, đã có những chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội hàng năm của tỉnh.

- Công tác thi đua khen thưởng của Sở được gắn liền với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính. Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành văn bản chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực lãnh đạo, điều hành và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; là một trong những tiêu chí đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân hàng năm. (công văn số 884/SNN-VP ngày 29/5/2014 về việc đẩy mạnh công tác cải cách hành chính năm 2014).

### **3. Công tác kiểm tra, giám sát**

Hàng năm Sở đều xây dựng và giao kế hoạch thanh tra, kiểm tra gắn với kiểm tra việc thực hiện công tác cải cách hành chính cho các đơn vị trực thuộc thực hiện và coi đây là nhiệm vụ thường xuyên và trọng tâm của đơn vị. Thông qua kiểm tra để đánh giá tình hình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính của cơ quan; tạo chuyển biến mạnh về kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ, chấn chỉnh tác phong làm việc, thái độ giao tiếp, tinh thần trách nhiệm, quan

liêu, những nhiều, gây phiền hà của cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết các thủ tục hành chính.

Thường xuyên nhắc nhở cán bộ, công chức, viên chức chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 03/2013/CT-UBND ngày 26/3/2014 của UBND tỉnh về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Từ đó, toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đã nhận thức và chấp hành nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, văn hóa giao tiếp, ứng xử, sử dụng thời gian làm việc; đã không để xảy ra tình trạng cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan sử dụng thời gian làm việc vào việc riêng trong giờ làm việc và đến nay không có phản ánh, kiến nghị nào của tổ chức, cá nhân trong việc giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT.

#### **4. Công tác thông tin, tuyên truyền**

Hàng năm Sở xây dựng Kế hoạch truyền thông về công tác cải cách hành chính đã tổ chức tuyên truyền kịp thời, sâu rộng các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp và các cơ quan quản lý Nhà nước ở Trung ương, địa phương về công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính qua các cuộc họp của cơ quan, lồng ghép việc tuyên truyền cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính với các Hội nghị tuyên truyền Pháp luật của Sở.

Đảm bảo công khai, minh bạch các thông tin về thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, thực hiện và giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính; huy động người dân, doanh nghiệp giám sát hoạt động cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính trong cơ quan đơn vị cụ thể là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tính chuyên nghiệp trong quá trình giải quyết công việc có liên quan đến thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

Thực hiện việc niêm yết công khai đối với toàn bộ thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Bộ phận “Một cửa” của Sở. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cải cách hành chính, cập nhật và đăng tải đầy đủ các TTHC trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT.

### **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

#### **1. Cải cách thể chế**

- Trong thời gian qua, để đảm bảo các văn bản được giao chủ trì soạn thảo đúng trình tự, chất lượng, tiến độ thời gian theo chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đề ra hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở đã phân công cụ thể đơn vị soạn thảo, đơn vị phối hợp, lãnh đạo Sở chỉ đạo, quy định rõ thời gian hoàn thành. Các đơn vị được giao chủ trì soạn thảo đã tổ chức nghiên cứu, khảo sát, đánh giá thực tiễn, xây dựng đề cương trước khi soạn thảo văn bản chỉ

tiết. Tất cả các văn bản được giao chủ trì soạn thảo, Sở đã đã tổ chức lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố. Chất lượng văn bản QPPL của Sở tham mưu với tỉnh ngày càng được nâng cao góp phần hoàn thiện các cơ chế, chính sách, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính.

- Để kịp thời phát hiện những văn bản đã hết hiệu lực, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với quy định pháp luật mới ban hành, Sở đã chỉ đạo, hướng dẫn các phòng và các đơn vị trực thuộc thường xuyên thực hiện công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực quản lý của Sở. Qua rà soát kịp thời đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ những văn bản có nội dung trái với quy định của pháp luật và không còn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và ban hành các VBQPPL: từ năm 2011 đến nay, Sở đã chủ trì soạn thảo 22 văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm 18 Quyết định và 04 Nghị quyết. Việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo đúng Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 18/3/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và các quy định của pháp luật hiện hành (*các văn bản soạn thảo, trình Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đều được Sở Tư pháp thẩm định*).

- Rà soát VBQPPL: đã tiến hành rà soát 96 văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và PTNT (09 Nghị quyết, 61 Quyết định và 26 Chỉ thị).

- Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL: thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quán triệt, triển khai và kiểm tra việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến các phòng, các đơn vị trực thuộc; đồng thời yêu cầu các đơn vị tiếp tục tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể CBCCVV và người lao động của đơn vị. Kết quả: Sở đã tổ chức 21 hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật với 2.919 lượt CBCCVV và người lao động tham gia; qua đó nâng cao hiểu biết pháp luật và góp phần bảo đảm trật tự an toàn xã hội, hạn chế vi phạm pháp luật của CBCCVV và người lao động thuộc Sở.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

### **2.1. Kiểm soát thủ tục hành chính**

Hàng năm thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và UBND tỉnh, Sở đã ban hành các kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính cụ thể:

- Văn bản 523/SNN-VP ngày 19/4/2011 của Sở Nông nghiệp và PTNT Tuyên Quang về việc thực hiện kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2011;

- Kế hoạch 379/KH-SNN ngày 27/3/2012 của Sở Nông nghiệp và PTNT Tuyên Quang về kế hoạch việc thực kiểm soát thủ tục hành chính năm 2012;

- Văn bản 295/SNN-VP ngày 28/2/2013 của Sở Nông nghiệp và PTNT Tuyên Quang về việc thực hiện kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2013;

- Văn bản Số: 141 /SNN-VP ngày 08 tháng 2 năm 2014 về việc thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2014;

- Văn bản 121/SNN-VP ngày 21/01/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT Tuyên Quang về việc thực hiện kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015;

Giao nhiệm vụ cho các đơn vị tiến hành thống kê, rà soát tất cả các thủ tục hành chính, mẫu đơn, tờ khai hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính.

Từ năm 2011 đến năm 2015 Sở đã trình và đề nghị UBND tỉnh ban hành 06 quyết định công bố mới, sửa đổi, bổ sung Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở. Thường xuyên chỉ đạo các đơn vị tiến hành rà soát thủ tục hành chính tại đơn vị, đánh giá theo dõi các thủ tục hành chính để kịp thời phát hiện, trình sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những thủ tục hành chính không còn phù hợp, đảm bảo duy trì và ban hành những thủ tục hành chính thật sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp và có chi phí tuân thủ thấp nhất theo đúng quy định hiện hành của nhà nước. Trong quá trình thực hiện rà soát đến nay đã: bãi bỏ 11 thủ tục, sửa đổi 64 thủ tục, thay thế 2 thủ tục, đơn giản hóa được 9 thủ tục.

Thực hiện tốt việc niêm yết công khai thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa. Đăng tải các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở trên trang thông tin điện tử của Sở, tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức tìm hiểu, giám sát và thực hiện. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc trao đổi công việc với các đơn vị trong ngành; mỗi công chức, viên chức thuộc Sở đều được cung cấp một địa chỉ thư điện tử theo hệ thống thư điện tử của tỉnh để trao đổi thông tin và giải quyết công việc chuyên môn. Công khai thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử của Sở.

## 2.2. Thực hiện cơ chế một cửa.

- Thực hiện Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 11/01/2008 của UBND tỉnh về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết công việc của tổ chức và cá nhân tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, Sở Nông nghiệp và PTNT đã Thành lập, kiện toàn tổ chức, ban hành Quy chế và duy trì hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “Một cửa”, Tiếp nhận giải quyết kịp thời các công việc của các tổ chức, cá nhân trong các lĩnh vực: Lâm nghiệp, Thủy lợi, Thú y, Bảo vệ thực vật, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản. Tiếp tục thực hiện nghiêm, đúng quy định và đầy đủ các nội dung trong lĩnh vực thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 11/01/2008 của UBND tỉnh. Đồng thời rà soát những nội dung không còn phù hợp hoặc có sự thay đổi để kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế cho phù hợp. Duy trì hoạt động Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “Một cửa”.

Thực hiện nghiêm yết công khai quy trình, thủ tục hành chính, thời hạn giải quyết cũng như quyền và nghĩa vụ của công dân, tổ chức đến giải quyết công việc, đảm bảo công việc được giải quyết nhanh, công khai, đúng quy định của pháp luật tại bộ phận một cửa.

- Số thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa Sở là 170 thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực Thủy lợi, Lâm nghiệp, Bảo vệ thực vật, Thú y, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Kiểm lâm, Thủy sản, Phát triển nông thôn, Trồng trọt và Chăn nuôi;

- Kết quả đã thực hiện giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa từ tháng 01/01/2011 đến 31/3/2015:

*Năm 2011:*

+ Tổng số hồ sơ nhận giải quyết: 406 hồ sơ.

+ Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 406 hồ sơ.

*Năm 2012:*

+ Tổng số hồ sơ nhận giải quyết: 743 hồ sơ.

+ Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 743 hồ sơ.

*Năm 2013:*

+ Tổng số hồ sơ nhận giải quyết: 2.019 hồ sơ.

+ Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 1.964 hồ sơ.

+ Số hồ sơ chưa đến hạn chuyển năm 2014 giải quyết là: 55 hồ sơ.

+ Không có hồ sơ giải quyết trễ quá hạn.

*Năm 2014:*

+ Tổng số hồ sơ nhận giải quyết: 2.794 hồ sơ.

+ Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 2.750 hồ sơ.

+ Số hồ sơ chưa đến hạn chuyển năm 2015 giải quyết là: 20 hồ sơ.

+ Số hồ sơ trả lại cho tổ chức, cá nhân: 24 hồ sơ. *(do trong quá trình thẩm định không đủ điều kiện để giải quyết theo quy định)*

+ Không có hồ sơ giải quyết trễ quá hạn.

*Năm 2015 (tính từ 01/01/2015 đến 31/3/2015)*

+ Tổng số hồ sơ nhận giải quyết: 702 hồ sơ.

+ Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 681 hồ sơ.

+ Số hồ sơ đang trong thời gian giải quyết là: 20 hồ sơ.

+ Số hồ sơ trả lại cho tổ chức, cá nhân: 01 hồ sơ. *(do trong quá trình thẩm định không đủ điều kiện để giải quyết theo quy định)*

+ Không có hồ sơ giải quyết trễ quá hạn.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

### 3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Tình hình triển khai các quy định về tổ chức bộ máy:

Căn cứ Thông tư liên tịch số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và PTNT - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý Nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn; Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng Đề án tổ chức bộ máy và biên chế của Sở Nông nghiệp và PTNT trình và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 24/11/2008 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và PTNT hiện nay như sau:

+ **Các cơ quan, đơn vị hoạt động chuyên trách:** Theo Đề án tổ chức được phê duyệt cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang hiện nay gồm: **06 Phòng chuyên môn** (*Văn phòng Sở; Tổ chức cán bộ; Kế hoạch - Tài chính; Trồng trọt; Chăn nuôi và Thanh tra Sở*); **08 Chi cục quản lý nhà nước chuyên ngành** (*Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục Thủy lợi, Chi cục Thủy sản; Chi cục Thú y, Chi cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Phát triển nông thôn; Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản*); **04 Trung tâm hoạt động sự nghiệp** (*Trung tâm Khuyến nông; Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Trung tâm Điều tra - Quy hoạch - Thiết kế Nông lâm nghiệp; Trung tâm Thủy sản*); **03 Ban quản lý chuyên trách** (*Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Bình, Ban quản lý rừng phòng hộ Na Hang chuyên đổi từ lâm trường quốc doanh; Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi*).

+ **Các cơ quan, đơn vị hoạt động kiêm nhiệm:** 11 Ban Quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng cấp cơ sở là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, Giám đốc Ban Quản lý dự án cơ sở do Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ hoặc Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm kiêm nhiệm; Phó Giám đốc do Phó Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ hoặc Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm kiêm nhiệm.

Hàng năm, căn cứ Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 24/11/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang. Sở Nông nghiệp và PTNT đã thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo phân cấp quản lý như: Kiện toàn tổ chức bộ máy Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Ban quản lý rừng phòng hộ Lâm Bình, Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi Tuyên Quang, rà soát bố trí, sắp xếp lại các Trạm, Chốt Kiểm lâm trên địa bàn toàn tỉnh; đồng thời thường xuyên rà soát, phân công bổ sung trách nhiệm trong Lãnh đạo Sở và quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn của các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Sở; tạo điều kiện thuận lợi để

các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Sở, công chức, viên chức của Sở phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

- Tình hình quản lý và sử dụng biên chế: Thực hiện đúng các quy định về công tác quản lý và sử dụng biên chế theo phân cấp của UBND tỉnh.

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiến hành rà soát và xây dựng kế hoạch tuyển dụng trên cơ sở số biên chế được giao và biên chế có mặt. Căn cứ kế hoạch tuyển dụng công chức, viên chức được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức triển khai thực hiện việc tuyển dụng công chức, viên chức theo đúng quy định và phân cấp quản lý. Kết quả từ 01/01/2011 đến nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tuyển dụng tổng số 113 chỉ tiêu, Công chức, viên chức sau khi được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, đơn vị thuộc Sở được sắp xếp, bố trí, phân công công tác đúng với vị trí thông báo tuyển dụng, đảm bảo phù hợp với trình độ chuyên môn, được xếp lương và thực hiện chế độ tập sự theo đúng quy định.

Thực hiện các quy định về công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ năm 2011 đến nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đã bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với 41 công chức, viên chức; xem xét cho thôi giữ chức vụ Phó chi cục trưởng đối với 01 công chức; xem xét cho ý kiến đề Chi cục trưởng, Giám đốc Trung tâm bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với 64 công chức, viên chức; đề nghị UBND tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với 09 công chức. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý được thực hiện theo đúng quy định và phân cấp quản lý cán bộ. Công chức, viên chức được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đều đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc tổ chức đánh giá xếp loại đối với công chức, viên chức đảm bảo công bằng, khách quan và đảm bảo nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức và Quyết định số 11/1998/QĐ-TCCP-CCVC ngày 05/12/1998 của Bộ trưởng - Trưởng Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ về việc ban hành Quy chế đánh giá công chức hàng năm, cụ thể: Đối với công chức, viên chức thuộc biên chế, hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước cấp, trên cơ sở kết quả đánh giá, bình xét và đề nghị của đơn vị, Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức họp xét và quyết định đánh giá xếp loại theo đúng quy định. Đối với viên chức và người lao động ngoài biên chế, hưởng tiền lương, tiền công từ nguồn kinh phí tự chủ của đơn vị, Sở Nông nghiệp và PTNT phân cấp cho thủ trưởng đơn vị trực tiếp đánh giá, xếp loại.

Thực hiện đúng các quy định theo Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức; Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định phân cấp quản lý viên chức. Đồng thời để tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị trực thuộc thực hiện tốt quyền tự chủ, nâng cao kỹ năng quản lý, điều hành theo cơ

chế mới của nhà nước đã quy định. Ngày 23/9/2014 Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định số 401/QĐ-SNN về Quy định phân cấp quản lý công chức và người lao động thuộc Chi cục Kiểm lâm.

Hiện nay Sở Nông nghiệp và PTNT có 07 đơn vị sự nghiệp hoạt động theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó có 02 đơn vị tự đảm bảo 100% kinh phí hoạt động (Trung tâm Thủy sản, BQL khai thác CTTL Tuyên Quang).

#### **4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức**

##### *4.1. Về thực hiện các quy định về quản lý công chức, viên chức*

Thực hiện Kế hoạch số 06-KH/TU ngày 13/6/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XV, nhiệm kỳ 2010-2015. Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức triển khai, quán triệt tới các đơn vị trực thuộc Sở như sau:

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở rà soát thực trạng đội ngũ công chức, viên chức tại đơn vị và căn cứ kế hoạch đăng ký cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức viên chức theo từng năm, trong đó tập trung đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ cao; đào tạo sau đại học, ngoại ngữ, tin học, lý luận chính trị nhằm từng bước chuẩn hóa đội ngũ công chức, viên chức. Khuyến khích, tạo mọi điều kiện về môi trường làm việc cho công chức, viên chức để thu hút những người có trình độ chuyên môn cao, có năng lực, kinh nghiệm công tác đặc biệt là cán bộ trẻ về cơ quan, đơn vị thuộc Sở công tác góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc, làm trẻ hoá đội ngũ CCVC, đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính, công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn nhằm phục vụ cho công cuộc phát triển chung của toàn ngành.

- Bố trí, sắp xếp công việc phù hợp với trình độ và năng lực, sở trường của CBCCVC; gắn kết chặt chẽ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức với quy hoạch cán bộ và việc chuẩn hoá đội ngũ cán bộ; Thực hiện đầy đủ và có hiệu quả chính sách thu hút đối với cán bộ có trình độ chuyên môn cao, thuộc danh mục ngành nghề thu hút do UBND tỉnh ban hành và chính sách hỗ trợ đối với những CCVC đi đào tạo nâng cao trình độ. Có chính sách động viên khen thưởng kịp thời những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất nông, lâm nghiệp góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội và nhiệm vụ chính trị của ngành.

##### *4.2. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.*

Xác định công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là công tác thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của đơn vị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Hàng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo cử CCVC tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, đồng thời khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức tự nghiên cứu, học tập để nâng cao trình độ chuyên môn,

nghiệp vụ. Về cơ bản đã thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở. Từ năm 2011 đến tháng 5/2015 Sở Nông nghiệp và PTNT đã cử **494** công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Đào tạo về chuyên môn: Thạc sỹ 13 người
- Cao cấp lý luận chính trị: 11 người
- Trung cấp lý luận chính trị: 63 người
- Bồi dưỡng khác (*chương trình chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương, chuyên môn, nghiệp vụ*): 145 người

Thực hiện đúng các quy định về thi nâng ngạch đối với công chức, hàng năm tiến hành rà soát, cử công chức dự thi nâng ngạch theo đúng chỉ tiêu được giao, đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh công bằng.

Thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng công chức, viên chức. Giai đoạn 2011 đến tháng 5/2015 Sở Nông nghiệp và PTNT đã có 02 viên chức thuộc đối tượng thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao; đề nghị tuyển dụng 01 viên chức không qua thi tuyển; tổ chức xét tuyển 02 viên chức tốt nghiệp loại giỏi vào công tác trong ngành.

### **5. Cải cách tài chính công**

Hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT có 06 phòng chuyên môn (gọi chung là cơ quan Văn phòng Sở) và 15 đơn vị trực thuộc (gồm: 08 Chi cục; 04 trung tâm, 03 Ban quản lý).

Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, các đơn vị dự toán của thực hiện tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên để thực hiện bổ sung tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức, kết quả 16/16 đơn vị hàng năm có bổ sung tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức

- Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ: Có 09/09 đơn vị quản lý nhà nước (*bao gồm cả cơ quan Văn phòng Sở*) đã triển khai thực hiện, đạt tỷ lệ 100%;

- Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ: Có 07/07 đơn vị đã triển khai thực hiện, đạt tỷ lệ 100%, trong đó: 02 đơn vị tự bảo đảm hoạt động (*Trung tâm Thủy sản, Ban quản lý Khai thác CTTL Tuyên Quang*), 03 đơn vị tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động (*Ban quản lý rừng phòng hộ Na Hang, Lâm Bình và Trung tâm Điều tra, quy hoạch - Thiết kế Nông lâm nghiệp*) và 02 đơn vị cấp toàn bộ kinh phí hoạt động (*Trung tâm Khuyến nông và Trung tâm nước sạch và VSMTNT*).

Thực hiện nghiêm túc quy định về định mức phân bổ và định mức chi thường xuyên theo Nghị quyết số 09/2010/NQ-HĐND ngày 21/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVI, kỳ họp thứ 14 trong việc lập và giao dự toán cho các đơn vị.

Thực hiện nghiêm các yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách theo quy định Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: Hàng năm, các đơn vị chủ động, cân đối nguồn kinh phí đã được giao đảm bảo sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định. Tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp công, nhất là các khoản chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, sách, báo, tạp chí, xăng dầu, công tác phí, chi phí tổ chức hội nghị, lễ kỷ niệm...

## **6. Về hiện đại hóa nền hành chính**

### *6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.*

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc trao đổi công việc với các đơn vị trong ngành; mỗi công chức, viên chức thuộc Sở đều được cung cấp một địa chỉ thư điện tử theo hệ thống thư điện tử của tỉnh để trao đổi thông tin và giải quyết công việc chuyên môn. Việc tin học hóa quản lý hành chính nhà nước được Sở đặc biệt quan tâm. Kết quả như sau:

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT và triển khai ứng dụng phần mềm trong quản lý văn bản đi, đến của Sở. Trên 80% cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc

- 100% máy tính của công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị được kết nối mạng nội bộ (mạng LAN), kết nối Internet tốc độ cao, các máy tính trong mạng được kết nối thông suốt và được sử dụng hiệu quả. (Trừ các máy tính được sử dụng để soạn thảo tài liệu mật hoặc không kết nối vì lý do an ninh khác).

- Căn cứ văn bản số 3320/UBND-CNTT ngày 28/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc xây dựng lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đang triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 1 và 2, đồng thời đã tiến hành xây dựng lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 giai đoạn 2015-2020 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trang thông tin điện tử của Sở đang duy trì và hoạt động có hiệu quả và có liên kết với Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính để đảm bảo việc công khai hoá các thủ tục hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực của Ngành.

### *6.2. Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.*

Thực hiện Quyết định số 144/2006/QĐ - TTg ngày 20/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định đối tượng phải áp dụng hệ thống quản lý chất lượng

là các cơ quan hành chính nhà nước. Đến nay Sở Nông nghiệp và PTNT đã áp dụng và được chứng nhận có HTQLCL phù hợp tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 (*Quyết định 1151/QĐ-TĐC ngày 7/5/2013 Quyết định về việc cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 đối với cơ quan hành chính nhà nước*)

### 6.3. Về cơ sở vật chất, trụ sở làm việc.

- Địa điểm làm việc của Bộ phận thực hiện cơ chế một cửa được đặt tại Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa. Cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được tập huấn, có chuyên môn nghiệp vụ, có khả năng giao tiếp, tiếp nhận và hướng dẫn các nội dung thực hiện cơ chế một cửa cho tổ chức, cá nhân đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Cơ sở làm việc đảm bảo đủ theo tiêu chuẩn, định mức quy định của nhà nước, các cán bộ, công chức, viên chức để có các máy móc thiết bị làm việc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

## IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2015

### 1. Ưu điểm

- Lãnh đạo Sở luôn quan tâm, chỉ đạo sát sao các đơn vị trực thuộc, xây dựng và thực hiện kế hoạch cải cách hành chính đầy đủ theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh. Việc cải cách thủ tục hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên, đảm bảo tiến độ và chất lượng theo quy định. Việc liên hệ giải quyết hồ sơ giữa bộ phận tiếp nhận, trả kết quả với các Phòng chuyên môn, tổ chức, cá nhân và giữa các Phòng, đơn vị thuộc Sở được phối hợp chặt chẽ, kịp thời. Thủ tục hành chính được rà soát theo hướng đơn giản hoá, công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian giải quyết trước thời hạn, mạnh dạn huỷ bỏ những thủ tục hành chính rườm rà, không còn phù hợp tránh gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp.

- Bộ máy hành chính được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả không bị chồng chéo về chức năng nhiệm vụ giúp cho việc chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ được giao có hiệu quả rõ rệt, nâng cao trách nhiệm, năng lực của Thủ trưởng đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị mình; chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức được nâng lên góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Việc thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước đã giúp các đơn vị chủ động điều hành công việc, nâng cao ý thức tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng kinh phí ngân sách, từng bước tăng thêm thu nhập cho cán bộ công chức, giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập đã tạo điều kiện cho đơn vị chủ động nguồn kinh phí ngân sách giao, tích cực khai thác nguồn thu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của ngành.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành của Sở đã giúp giảm thiểu giấy tờ cho việc in ấn, sao chụp văn bản và văn bản được luân chuyển trên hệ thống mạng được nhanh chóng, giúp lãnh đạo theo dõi chỉ đạo kịp thời, đồng thời hỗ trợ tích cực cho công tác cải cách hành chính.

## **2. Những khó khăn, hạn chế:**

- Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có lúc còn lúng túng, chưa kịp thời. Có một số văn bản trình tự, thủ tục ban hành chưa đảm bảo, khi xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chưa rà soát, đối chiếu hết với các quy định của pháp luật.

- Một số đơn vị trực thuộc chưa chủ động xây dựng giải pháp đẩy mạnh công tác cải cách hành chính tại đơn vị dẫn đến việc rà soát đề nghị sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính khi có thay đổi của văn bản QPPL của Bộ, ngành, Trung ương liên quan đến lĩnh vực ngành còn chậm. Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở nhiều thủ tục thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn dẫn đến việc rà soát, đề nghị sửa đổi bổ sung, thay thế đôi lúc chưa kịp thời.

- Chưa tổ chức được hội nghị sơ kết, tổng kết, đánh giá chuyên đề về cải cách hành chính. Việc thực hiện chế độ báo cáo công tác cải cách hành chính đôi khi còn chưa đầy đủ, kịp thời.

- Việc thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ vẫn còn một số khó khăn, tồn tại trong quá trình thực hiện như: Năm 2011-2014, do tình hình giá cả biến động, đồng thời phải dành 10% để tiết kiệm chi thường xuyên theo quy định của Chính Phủ, nên số đơn vị thực hiện được việc tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên trong năm chưa nhiều, chi thu nhập tăng thêm cho CCVC không cao.

## **3. Nguyên nhân của tồn tại hạn chế.**

- Cán bộ làm công tác tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật là kiêm nhiệm, không có chuyên môn sâu, nghiệp vụ soạn thảo, tự kiểm tra, rà soát văn bản chủ yếu thông qua nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm, chưa được đào tạo bài bản, chưa có tính chuyên nghiệp cao, nên chất lượng có một số văn bản quy phạm pháp luật còn chưa cao; văn bản dự thảo còn phải chỉnh sửa nội dung, thể thức nhiều lần, mất nhiều thời gian.

- Do bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở lớn, cán bộ được giao nhiệm vụ đầu mối kiểm soát TTHC thay đổi thường xuyên dẫn đến việc rà soát chưa kịp thời.

- Công tác chỉ đạo thực hiện cải cách hành chính của một số thủ trưởng đơn vị chưa quyết liệt; nhận thức của một số bộ phận cán bộ công chức về cải cách hành chính chưa đầy đủ.

## **V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

- Cải cách hành chính là một vấn đề lớn, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành và trách nhiệm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, do đó phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp ủy Đảng, sự quản lý

điều hành của chính quyền và sự tham gia tuyên truyền, vận động và giám sát của các đoàn thể, phải xác định là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên, lâu dài gắn với công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm, sự thống nhất và quyết tâm cao trong cả hệ thống chính trị là yếu tố quyết định thành công.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cơ quan hành chính các cấp có phẩm chất đạo đức, vững về chính trị, giỏi về chuyên môn, có tính chuyên nghiệp, tận tụy phục vụ nhân dân, nhất là nêu cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị là nhân tố quyết định đến sự thành công của công tác cải cách hành chính. Thực tế cho thấy, nơi nào cấp ủy quan tâm, người đứng đầu thể hiện rõ quyết tâm và sự quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính thì nơi đó sẽ có chuyển biến rõ rệt và ngược lại, bên cạnh đó cần phải có đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác cải cách hành chính nhiệt tình, tâm huyết và năng lực tốt để tham mưu, đề xuất giúp người đứng đầu chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính đạt kết quả.

- Cải cách hành chính nhà nước phải được tiến hành đồng bộ, trong đó cải cách thủ tục hành chính là khâu đột phá có ý nghĩa to lớn trong việc tạo môi trường kinh doanh thông thoáng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải thiện mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với tổ chức và cá nhân; mạnh dạn loại bỏ những thủ tục hành chính không cần thiết, đảm bảo tính công khai, minh bạch trong giải quyết công việc hành chính có liên quan tổ chức và cá nhân. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền với sự tham gia của cả hệ thống chính trị sẽ góp phần làm cho công cuộc cải cách hành chính gần dân và phục vụ đời sống và sinh hoạt của nhân dân được tốt hơn.

- Để công tác cải cách hành chính được thành công đòi hỏi phải có nguồn lực để đầu tư, trước hết là đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhất là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức, công khai minh bạch các quy trình, thủ tục hành chính và chính sách có liên quan người dân, tổ chức trên các lĩnh vực quản lý.

## **VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Công tác cải cách hành chính trong giai đoạn 2011-2015 đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện và đã có chuyển biến theo hướng tích cực, tuy nhiên trong giai đoạn tới cần thực hiện tốt hơn một số công tác sau:

- Quan tâm, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính, cần quy định cụ thể tiêu chuẩn, năng lực, phẩm chất đạo đức đội ngũ cán bộ này và cương quyết không bố trí những cán bộ không đủ tiêu chuẩn thực hiện thủ tục hành chính.

- Hướng dẫn cụ thể các Sở, ban, ngành thực hiện đánh các chỉ số cải cách hành chính phải thật phù hợp và hiệu quả.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất đối với các đơn vị có thực hiện thủ tục hành chính. Đồng thời có những góp ý kịp thời để các đơn vị điều chỉnh, sửa đổi nhằm phục vụ người dân được tốt hơn.

- Bố trí nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động công nghệ thông tin đáp ứng kịp thời yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

## VII. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP.

1. Thực hiện có hiệu quả Chương trình cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; bộ máy quản lý nhà nước tinh gọn; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển đất nước;

2. Tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, dễ hiểu và dễ thực hiện; rà soát các thủ tục hành chính, quy trình xử lý công việc trong phạm vi quản lý để điều chỉnh, bổ sung hoặc hủy bỏ các quy định không còn phù hợp theo kế hoạch và rà soát các thủ tục hành chính đang thực hiện và chưa được thực hiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị thuộc ngành theo đúng hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT bảo đảm bộ máy tinh gọn, không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

4. Củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo hướng tinh gọn có trình độ, năng lực chuyên môn theo vị trí việc làm, đúng chỉ tiêu biên chế đã được phê duyệt hàng năm;

5. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngành, đến năm 2020 đạt 70% thủ tục hành chính thường xuyên thực hiện được thực hiện cung cấp trực tuyến mức độ 3 trở lên.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện tổng kết chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới, Sở Nông nghiệp và PTNT gửi Sở Nội vụ để tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- Các đ/c Lãnh đạo Sở;
- Trang TTĐT Sở;
- Lưu VT-VP.

**K.T GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Công Nông**

## BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TỪ 01/01/2011 ĐẾN 31/3/2015)

(Kèm theo Báo cáo số 1174/BC-SNN ngày 09/6/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Kết quả thực hiện										Ghi chú
	Số liệu thống kê	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở	Tổng số thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa	Tổng số thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông	Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận	Tổng số hồ sơ đã giải quyết	Tổng số hồ sơ giải quyết đúng hạn	Tổng số hồ sơ giải quyết quá hạn	Tỷ lệ giải quyết (%)	Tỷ lệ giải quyết đúng hạn (%)	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Năm 2011	132	132		406	406	406		100	100	
2	Năm 2012	16	16		743	743	743		100	100	
3	Năm 2013	22	22		2.019	1.964	1.964		97,3	100	55 hồ sơ chưa đến hạn chuyển sang năm 2014
4	Năm 2014				2.794	2.774	2.774		99,3	100	20 hồ sơ chưa đến hạn chuyển sang năm 2015
5	Năm 2015 Từ 01/01/2015 đến 31/3/2015)				702	684	684		97,4	100	20 hồ sơ đang trong thời gian giải quyết
6	<b>Tổng số</b>	<b>170</b>	<b>170</b>		<b>6.664</b>	<b>6.571</b>	<b>6.571</b>				